

Tờ khai đăng tìm việc (Dùng cho niên độ Reiwa 8)

裏面の記入要領を確認し、下記の該当する箇所を記入してください。  
Hãy đọc hướng dẫn ở mặt sau và điền vào các nội dung phù hợp bên dưới.

|                                                                                |                                                  |                                        |  |                                                                                                                                                                                          |  |                                         |  |
|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-----------------------------------------|--|
| 児童名<br>Ho tên trẻ                                                              |                                                  | 生年月日<br>Ngày tháng năm sinh            |  | 学齢<br>Tuổi học đường                                                                                                                                                                     |  | 園名<br>Tên nhà trẻ                       |  |
|                                                                                |                                                  | 年 月 日<br>Năm Tháng Ngày                |  | 歳児<br>Tuổi của trẻ                                                                                                                                                                       |  | 園<br>Trường                             |  |
|                                                                                |                                                  | 年 月 日<br>Năm Tháng Ngày                |  | 歳児<br>Tuổi của trẻ                                                                                                                                                                       |  | 園<br>Trường                             |  |
|                                                                                |                                                  | 年 月 日<br>Năm Tháng Ngày                |  | 歳児<br>Tuổi của trẻ                                                                                                                                                                       |  | 園<br>Trường                             |  |
| 求職活動者氏名<br>Người tìm việc                                                      |                                                  |                                        |  |                                                                                                                                                                                          |  |                                         |  |
| 児童からみた求職活動者の続柄<br>Mối quan hệ của người tìm việc với trẻ<br>(nhìn từ phía trẻ) |                                                  |                                        |  | <input type="checkbox"/> 1 父 1 Bố <input type="checkbox"/> 2 母 2 Mẹ <input type="checkbox"/> 3 祖父 3 Ông <input type="checkbox"/> 4 祖母 4 Bà <input type="checkbox"/> 5 その他 ( 5 Khác ( ) ) |  |                                         |  |
| 1                                                                              | 求職活動<br>開始(予定)日<br>Ngày (dự kiến) bắt đầu đi làm | 令和 年 月 日 から<br>Từ Reiwa năm tháng ngày |  | <input type="checkbox"/> 求職活動している<br>Đang trong quá trình tìm việc<br><input type="checkbox"/> 求職活動予定<br>Chuẩn bị tìm việc                                                               |  |                                         |  |
| 2                                                                              | 求職活動日数・時間<br>Số ngày, giờ tìm việc               | 週平均 日<br>Trung bình ngày/tuần          |  | 週平均 時間<br>Trung bình giờ/tuần                                                                                                                                                            |  |                                         |  |
| 3                                                                              | 備考<br>Ghi chú                                    |                                        |  | 退職日<br>※前職がある場合は退職日を記入<br>Ngày thôi việc<br>※trước đây đã từng đi làm thì ghi vào                                                                                                        |  | 令和 年 月 日<br>đến Reiwa<br>năm tháng ngày |  |

私は、上記のとおり求職活動中であることを申し立てます。  
Tôi, cam đoan rằng đang trong quá trình tìm việc như mô tả trên.  
令和 年 月 日 (申立者) 求職活動者氏名  
(Người nộp đơn) Họ tên người tìm việc

添付箇所  
「Nơi đính hồ sơ」  
ハローワークカードの写し、ハローワーク受付票の写し、雇用保険受給者証の写しのいずれかを添付  
※ハローワーク受付表を添付する場合は、半分に切って A 4 の上半分を添付  
Phô tô thẻ Hello Work, giấy tiếp nhận của Hello Work, Chứng nhận đối tượng nhận bảo hiểm lao động.  
※Khi đính kèm giấy tiếp nhận của Hello Work, hãy cắt đôi và đính nửa trên vào tờ A4

こども園等入園後、又は求職活動開始後 2 か月以内に就労証明書等を提出します。  
就労については、こども園等入園後、又は求職活動開始後 3 か月以内に開始します。  
各期限までに証明書の提出ができない、又は就労開始できない場合は退園届を提出します。  
Hãy nộp giấy chứng minh đang làm việc trong vòng 2 tháng kể từ khi trẻ được nhập học hoặc ngày bắt đầu đi tìm việc.  
Thời gian bắt đầu đi làm phải trong vòng 3 tháng tính từ ngày trẻ nhập học hoặc từ ngày bắt đầu tìm việc.  
Khi tới kỳ hạn, nếu không thể nộp các giấy tờ chứng minh hoặc không thể bắt đầu đi làm thì trẻ sẽ phải nghỉ học.

裏面に記入要領を記載していますので、必ず確認をお願いします。  
Hãy chắc chắn kiểm tra cách điền các nội dung được hướng dẫn ở mặt sau.

|                                      |      |                                         |    |    |     |          |
|--------------------------------------|------|-----------------------------------------|----|----|-----|----------|
| 園記入欄<br>Vi dụ về cách ghi tên trường | 園コード | 整理番号                                    | 学齢 | 歳児 | 受付日 | 令和 年 月 日 |
|                                      | 提出理由 | 1. 入園希望 2. 要件変更 3. 時間外保育等の利用 4. その他 ( ) |    |    |     |          |

# 【G 求職活動申立書 記入要領】【G Hướng dẫn cách ghi "Tờ khai đang tìm việc"】

保護者の方へ

- ・この申立書は、こども園等の利用に当たり、児童の家庭状況を把握するためのものです。必要な箇所に記入のうえ、申立者 1 人につき 1 枚の提出をお願いいたします。
- ・申立書に虚偽の内容があった場合には、年度の途中での退園となります。
- ・求職活動を要件とする場合の入園期間は、最長 3 か月間です。この期間を過ぎると退園となります。
- ・ただし、期間内に入園要件を満たす就労を開始した場合は、継続して在園することができます。児童の入園日から起算して 3 か月以内に就労を開始することを証明する就労証明書を、入園日から起算して 2 か月以内に園に提出をしてください。
- ・申立内容に変更が生じた場合は、すみやかに園へ連絡してください。
- ・プライバシーに関する事項が記載されていますので、必要な方は封筒に入れるなどして提出してください。
- ・記入された内容は、入園基準の要件を確認する以外には使用いたしません。

記入については、項目すべてを求職活動を行う者（保護者）が記入すること。

## 児童名・求職活動者氏名等

園名について、これから入園を希望する場合は第一希望園名、既に在園している場合は在園名を記入する。

兄弟児の場合は、園児名欄に連名で記入する。（複数枚の提出は不要）。ただし、途中入園申込みの際に在園児と新入園希望児がいる場合、在園児は園へ、新入園希望児は保育課へそれぞれ証明書を提出する。（コピー可）

## 求職活動内容

### 1～2 求職活動について

求職活動の内容について、各項目記入する。

### 3 備考

特筆すべき事項を記入する。

すでに他の入園要件での認定があり、求職活動要件への認定変更を希望する場合、他の入園要件の終了日を記入する。就労要件での認定があるが、退職して求職活動に変更する場合は、退職日を記入する。

## 申立日・申立者氏名

申立日を記入し、申立者本人が署名する。

## 添付書類

ハローワークカードの写し、ハローワーク受付票の写し、雇用保険受給者証の写しのいずれかを添付する。

（問合せ先）豊田市役所 保育課      <直通>   0 5 6 5 - 3 4 - 6 8 0 9

Đối với phụ huynh

- ・Tờ khai này phục vụ mục đích nắm bắt tình trạng gia đình của trẻ của trường mẫu giáo. Mỗi người nộp một đơn riêng, ghi đầy đủ các nội dung cần thiết.
- ・Nếu phát hiện thấy thông tin trong đơn là giả mạo thì trẻ sẽ bị buộc thôi học ngay trong năm đó.
- ・Thời gian nhận trẻ trong trường hợp đang tìm việc tối đa là 3 tháng. Quá thời hạn này trẻ sẽ phải thôi học.
- ・Tuy nhiên, trong thời hạn này, nếu bắt đầu công việc thỏa mãn điều kiện được nhập học thì trẻ sẽ được tiếp tục theo học.

Trong vòng 2 tháng kể từ ngày nhập trường phải nộp giấy xác nhận lao động chứng minh rằng đã bắt đầu làm việc trong vòng 3 tháng kể từ ngày trẻ nhập học.

- ・Nếu có thay đổi gì trong nội dung đơn, hãy nhanh chóng liên lạc với nhà trường.
- ・Vì có thông tin cá nhân nên nếu thấy cần hãy cho vào phong bì trước khi gửi.
- ・Nội dung được ghi sẽ chỉ được dùng cho mục đích xác nhận điều kiện nhập trường theo quy định..

Người đang xin việc (phụ huynh) trực tiếp ghi các nội dung.

## Như họ tên trẻ, họ tên người đang tìm việc

Mục tên trường, hãy điền tên trường mong muốn ở nguyện vọng một, hoặc tên trường đang học nếu hiện đã nhập học.

Trường hợp trẻ có anh chị em đang học mẫu giáo, hãy điền tên tất cả các trẻ vào mục họ tên trẻ (Không cần nộp nhiều đơn).

Tuy nhiên, trường hợp vừa có trẻ hiện đang học, vừa có trẻ mới nhập học giữa chừng, hãy nộp chứng nhận cho cả trường học đối với trẻ đang học, và cho Phòng Chăm sóc Trẻ em với trẻ xin nhập học mới (chấp nhận bản copy).

## Nội dung hoạt động tìm việc

### 1～2 Về hoạt động tìm việc

Ghi các mục về nội dung hoạt động tìm việc

### 3 Ghi chú

Hãy ghi tất cả các mục bắt buộc.

Nếu đã được nhận vào một trường nhưng muốn thay đổi sang điều kiện nhập học là đang tìm việc thì hãy ghi ngày cuối cùng thỏa mãn điều kiện nhập học trước đó.

Nếu đã được nhận vào học khi thỏa mãn điều kiện về việc làm, nhưng nghỉ việc và chuyển sang tình trạng tìm việc thì hãy ghi ngày thôi việc.

## Ngày đệ đơn, họ tên người nộp đơn

Ghi ngày nộp, và tên của người nộp đơn.

## Tài liệu đính kèm

Đính kèm một trong các giấy tờ như: bản phô tô thẻ Hello Work, thẻ tiếp nhận Hello Work, hoặc chứng nhận đối tượng nhận bảo hiểm lao động

Liên hệ: Phòng Chăm sóc Trẻ em Chính quyền Thành phố Toyota (trực tiếp)   0 5 6 5 - 3 4 - 6 8 0 9